

Bản án số 391/2022/DS-PT
Ngày 16-6-2022
V/v Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công
Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 408/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2864/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 333/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 606/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1020/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số 10, đường 10, KDC N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Vũ Thanh T1 – Luật sư Văn phòng Luật sư L – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 295, Quốc lộ 91B, khu vực B, phường L2, quận B1, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1960 (theo Giấy ủy quyền ngày 18/10/2018) (có mặt);

Địa chỉ: Số 381D/8A đường T2, phường X, quận N1, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Trường T14, luật sư Văn phòng luật sư V3 thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (vắng mặt) và bà Mai Thị Thu Z1, luật sư Văn phòng luật sư V3 thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị Mỹ D (vắng mặt);

3.2. Ông Nguyễn Hoàng D1(có mặt);

3.3. Ông Nguyễn Hoàng N2(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 7/6 đường B2, phường C1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, ông N2: Ông Nguyễn Hoàng D1(theo Văn bản ủy quyền ngày 25/7/2018) (có mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 17A, G, 93170 Bagnolet, France.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1967 (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2019) (có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 2F No. 145 Z Dist, New Taipei City, Taiwan, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H1(theo Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019) (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 142C đường M, phường X1, quận N1, thành phố Cần Thơ.

3.6. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1983 (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2018) (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 151/45 đường T5, Phường H2, quận N1, thành phố Cần Thơ.

3.7. Ông Nguyễn Đức N3, sinh năm 1973 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 79/19/36A, đường H3, phường T6, quận N1, thành phố Cần Thơ.

3.8. Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1947 (chết ngày 22/11/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T7 gồm có:

3.8.1. Ông Trần Quốc P, sinh năm 1946 (vắng mặt);

3.8.2. Bà Trần Phi N4, sinh năm 1978 (vắng mặt);

3.8.3. Ông Trần Triệu P1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.8.4. Ông Trần Phi H4, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 664/113, đường N5, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quốc P: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1960 (theo Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Số 381D/8A đường T2, phường X, quận N1, thành phố Cần Thơ.

3.9. Ông Nguyễn Văn B3 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B3 gồm có:

3.9.1. Bà Trần Thị N6 (vắng mặt);

3.9.2. Bà Nguyễn Thị P2 (vắng mặt);

3.9.3. Ông Nguyễn Văn M1 (vắng mặt);

3.9.4. Ông Nguyễn Quyết T8 (vắng mặt);

3.9.5. Ông Nguyễn Lương Đức H4 (vắng mặt);

3.9.6. Ông Nguyễn Lương Đức D2 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1960 (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/7/2019) (có mặt);

Địa chỉ: Số 381D/8A đường T2, phường X, quận N1, thành phố Cần Thơ.

3.10. Bà Nguyễn Thị Bích V1 (vắng mặt);

3.11. Ông Nguyễn Hoàng V2 (vắng mặt);

3.12. Bà Nguyễn Thị Kỳ H5 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 41A, đường M, phường X2, quận N1, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng V2: Ông Huỳnh Phước C2 (yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 551, khu vực P3, phường T9, quận C3, thành phố Cần Thơ.

3.13. Bà Nguyễn Thị Kỳ H6 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 79/19/36A, đường H3, phường T6, quận N1, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Đức L1 là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T7 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2,

ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C trình bày:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Đức M2 và bà Nguyễn Thị Kỳ H6 có 09 người con là ông Nguyễn Đức L3(chết năm 1992), Nguyễn Đức C4(chết), ông Nguyễn Đức N7(đã chết năm 2017 có vợ là Lê Thị Mỹ D và hai con là Nguyễn Hoàng D1 và Nguyễn Hoàng N2), ông Nguyễn Đức L1, bà Nguyễn Thị Thu T3, bà Nguyễn Thị Tường V, bà Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Đức N3 và bà là Nguyễn Thị Lan C. Cha mẹ bà ly hôn vào năm 1997 theo Bản án số 40/1997/HNPT ngày 31/5/1997, theo đó cha bà được hưởng 8.100m² đất tại thửa số 436, tờ bản đồ số 02, phường Ba Láng, quận C3. Trước khi qua đời, cha bà có lập di chúc, số công chứng 29, quyền số 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2008 tại Phòng công chứng số 01 Thành phố Cần Thơ. Theo di chúc này thì toàn bộ diện tích đất nói trên được chia đều cho 7 người con (trừ ông L3 chết năm 1992, ông C4 đã được nhận phần từ mẹ nên không có tên trong di chúc). Tuy nhiên khi bà yêu cầu làm thủ tục tách thửa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) thì ông L1 không đồng ý ký tên nên bà và các anh chị em khác không làm giấy được. Do đó bà khởi kiện yêu cầu ông L1 thực hiện di chúc của ông M2 để bà được hưởng 1/7 diện tích đất thửa 436, tờ bản đồ số 02 thuộc ấp T10, xã T11, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ theo Giấy CNQSDĐ số 000078 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 20-9-1993, chỉnh lý ngày 23-10-1997 (nay thuộc phường Ba Láng, quận C3, thành phố Cần Thơ) và được tách thửa để xin cấp Giấy CNQSDĐ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đức L1 là ông Trần Thanh H trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình, các con của ông M2, tính hợp pháp và nội dung di chúc. Nay trước yêu cầu của nguyên đơn bị đơn không đồng ý mở di chúc bởi vì bị đơn cho rằng phần đất của ông M2 để lại trong di chúc không phải là tài sản của ông M2 mà là di sản chưa chia của ông Nguyễn Chí T12 và bà Nguyễn Thị T13. Theo ông thì phần đất tranh chấp phải được chia làm 3 phần gồm phần của bà Nguyễn Thị T7, ông Nguyễn Văn B3 và ông Nguyễn Đức M2. Sau đó phần của ông M2 thì chia làm 7 phần cho các con của ông M2 như phía nguyên đơn trình bày.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng D1 trình bày: Ông là con ruột của ông Nguyễn Đức N7. Ông thông nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và di chúc của ông M2. Ông đồng ý nhận 1/7 di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức N7 theo như di chúc của ông nội ông là ông M2 để lại.

Bà Nguyễn Thị Lan C đại diện cho bà Nguyễn Thị Thu T3 trình bày: Bà T3 cũng thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và di chúc của ông M2. Bà T3 đồng ý nhận 1/7 di sản thừa kế của ông M2 để lại theo như di chúc. Nếu Bà T3 không được đứng tên trong Giấy CNQSDĐ thì thống nhất nhận giá trị quyền sử dụng đất đối với kỹ phần thừa kế được chia, giao đất cho bà Lan C quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn T4 đại diện cho bà Nguyễn Thị Thu S trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và di chúc của ông M2. Bà S đồng ý nhận 1/7 di sản thừa kế của ông M2 để lại theo như di chúc.

Bà Nguyễn Thị Thu H1 đại diện cho bà Nguyễn Thị Tường V trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và di chúc của ông M2. Bà H1 đồng ý nhận 1/7 di sản thừa kế của ông M2 để lại theo như di chúc. Nếu bà V không được đứng tên trong Giấy CNQSDĐ thì thống nhất nhận giá trị quyền sử dụng đất được nhận từ kỹ phần thừa kế, giao đất cho bà Lan C quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Đức N3 trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và di chúc của ông M2. Ông đồng ý nhận 1/7 di sản thừa kế của ông M2 để lại theo như di chúc. Ông gửi đơn yêu cầu được vắng mặt trong quá trình xét xử tại Tòa.

Ông Trần Thanh H đại diện cho bà Nguyễn Thị T7 và đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T7, ông Nguyễn Văn B3, ông Nguyễn Đức M2 là con của ông Nguyễn Chí T12 và bà Nguyễn Thị T13. Ông B3 đã chết có vợ là bà Trần Thị N6 và các con ruột là bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2. Phần diện tích đất thừa 436, tờ bản đồ số 02 thuộc ấp T10, xã T11, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ theo Giấy CNQSDĐ số 000078 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Nguyễn Đức M2 ngày 20-9-1993, chỉnh lý ngày 23-10-1997 (nay thuộc phường Ba Láng, quận C3, thành phố Cần Thơ) là di sản thừa kế chưa chia của ông Thiện và bà Thiệt. Ông M2 chỉ là người được ủy quyền để đứng tên thay cho các anh chị em. Nay ông M2 chết bà T7 và những người thừa kế của ông B3 có yêu cầu độc lập đề nghị được nhận 1/3 di sản nói trên, nhận bằng hiện vật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C.

Xác định phần diện tích đất 8.100m² (đo đạc thực tế 7028,5m²) theo Giấy CNQSDĐ số 000078 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cấp cho ông M2 ngày 20-9-1993, chỉnh lý ngày 23-10-1997 (nay thuộc phường Ba Láng, quận C3, thành phố Cần Thơ) là di sản thừa kế của ông M2. Công nhận các đương sự ông Nguyễn Đức L1, ông Nguyễn Đức N7(đã chết năm 2017 có vợ là Lê Thị Mỹ Dvà hai con là Nguyễn Hoàng D1 và Nguyễn Hoàng N2), bà Nguyễn

Thị Thu T3, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Đức N3 và bà Nguyễn Thị Lan C được hưởng thừa kế theo di chúc do ông M2 lập có số công chứng 29, quyển số 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2008 tại Phòng công chứng số 01 Thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Lan C nhận phần đất tại vị trí A có diện tích 1037,2m²
- Ông Nguyễn Đức L1 nhận phần đất tại vị trí B có diện tích 1037,2m²
- Bà Lê Thị Mỹ D, ông Nguyễn Hoàng D1 và ông Nguyễn Hoàng N2 nhận phần đất tại vị trí C có diện tích 1037,2m²
- Bà Nguyễn Thị Thu S nhận phần đất tại vị trí D có diện tích 1037,2m²
- Ông Nguyễn Đức N3 nhận phần đất tại vị trí E có diện tích 959,9m²
- Bà Nguyễn Thị Thu T3 nhận giá trị phần đất tại vị trí F có diện tích 959,9m². Bà Nguyễn Thị Lan C có trách nhiệm nhận phần đất này và trả giá trị kỷ phần thừa kế này cho bà Nguyễn Thị Thu T3.
- Bà Nguyễn Thị Tường V nhận giá trị phần đất tại vị trí G có diện tích 959,9m². Bà Nguyễn Thị Lan C có trách nhiệm nhận phần đất này và trả giá trị kỷ phần thừa kế này cho bà Nguyễn Thị Tường V.

(Vị trí, kích thước được xác định theo Bản trích đo địa chính số 14/TTKTTNMT ngày 13/11/2019 của Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên môi trường TP Cần Thơ – đính kèm bản án).

Bà Nguyễn Thị Lan C; ông Nguyễn Đức L1; bà Lê Thị Mỹ D và hai con là Nguyễn Hoàng D1 và Nguyễn Hoàng N2; bà Nguyễn Thị Thu S phải hoàn lại cho ông Nguyễn Đức N3, Nguyễn Thị Thu T3, Nguyễn Thị Tường V số tiền 265.600.000 đồng. Ông Nguyễn Đức N3, Nguyễn Thị Thu T3, Nguyễn Thị Tường V mỗi người được nhận 88.533.333 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của các đương sự bà Nguyễn Thị T7 và ông Nguyễn Văn B3 (đã chết, có người thừa kế tố tụng gồm vợ là bà Trần Thị N6 và các con là bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2) về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 8.100m² (đo đạc thực tế 7028,5m²) theo Giấy CNQSDĐ số 000078 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cấp cho ông M2 ngày 20-9-1993, chỉnh lý ngày 23-10-1997 (nay thuộc phường Ba Láng, quận C3, thành phố Cần Thơ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/6/2021 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T7 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2 đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T7 và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3.

Ngày 07/6/2021 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ nhận được đơn của ông Nguyễn Đức L1 là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T7 là ông Trần Quốc P và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2 có ông Trần Thanh H đại diện có yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu độc lập.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T7 là bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Ông Trần Thanh H đại diện cho ông Nguyễn Đức L1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm không tính công sức quản lý di sản thừa kế của ông L1, phần mộ của dòng họ nằm ở vị trí E, F, cấp sơ thẩm phân chia như vậy ông L1 không có lối đi nên ông L1 đề nghị cho ông L1 sử dụng vị trí E. Ông L1 lấy phần đất của Bà T3, bà V và trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho Bà T3, bà V. Phần đất 8.100m² ông L1 đang quản lý canh tác.

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần Thanh H đại diện cho ông Nguyễn Đức L1 trình bày: Thứ nhất, đề nghị được hoán đổi phần đất của ông L1 và ông N3 từ vị trí B sang vị trí E để có đường đi vào phần mộ của gia tộc. Thứ hai, pháp luật quy định đất nông nghiệp giao cho người trực canh. Bà T3, bà V ở nước ngoài, bà C ở Sài Gòn không thể canh tác nên ông L1 muốn nhận phần đất của bà T3, bà V. Ông L1 có nơi ở khác nhưng có nguyện vọng nhận phần đất này. Việc tranh chấp đất của các anh chị em nên ông L1 không được vào phần đất tranh chấp này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Thứ nhất, ông L1 đề nghị hoán đổi đất từ vị trí B sang vị trí E cho rằng chỗ này có phần mộ của gia tộc, có nguyện vọng quản lý tu sửa hàng năm đối với phần mộ. Vấn đề này ông L1 nên thương lượng với ông N3 khi bản án có hiệu lực pháp luật vì 2 bên là anh em ruột cùng có trách nhiệm quản lý phần mộ. Yêu cầu kháng cáo này không có cơ sở pháp lý. Thứ hai, kháng cáo của ông L1 cho rằng có công sức giữ gìn di sản là không đúng. Bản thân ông L1 là công chức, quản lý Công ty phát triển nhà ở thành phố Cần Thơ, không thể nói vừa làm nông vừa làm công chức. Ông L1 trình bày việc làm nông đủ điều kiện tốt hơn, canh tác đất này là không đúng. Địa chỉ của ông L1 cách khu đất tranh chấp hơn 30km, ông cho rằng thường xuyên chăm sóc là không phù hợp. Thứ ba, ông L1 cho rằng bà T3, bà V không đủ điều kiện quản lý sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao giá trị cho bà T3, bà V, phù hợp với nguyện vọng của ông M2 di chúc để lại. Việc tranh chấp xuất phát từ ông L1, ông L1 không chấp nhận thực hiện di chúc của ông M2. Ông L1 yêu cầu chia phần đất tranh chấp ra 03

phần, rồi mới chia phần của ông M2, mỗi người 1/21 di sản là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm đã dành cho các bên quyền lợi tốt nhất, thực hiện đúng di chúc, đảm bảo quyền lợi của các bên. Án sơ thẩm xét xử phù hợp quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông L1 không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Lan C và ông Nguyễn Hoàng D1 trình bày: Thống nhất ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Về kháng cáo của ông L1, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông L1 chia cho ông L1 một phần quản lý di sản. Ông L1 có đề nghị xem xét công sức giữ gìn tài sản của ông L1 từ trước đến nay. Nguyên đơn không trực tiếp canh tác, ông L1 cũng không trực tiếp canh tác, có công sức trong việc sử dụng bảo tồn làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Theo án lệ số 02 và số 05 thì phải xem xét công sức đóng góp khi chia thừa kế. Điều 102 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng có quy định, phía ông L1 có quản lý sử dụng phần đất này, nên chấp nhận cho ông L1 nhận thêm một phần thừa kế.

Phần đất của Bà T3, bà V ở nước ngoài. Bà T3, bà V nhận giá trị quyền sử dụng đất nên bà C hay ông L1 trả lại giá trị cho Bà T3, bà V cũng như nhau. Xem xét giao quyền sử dụng đất này cho ông L1 tiếp tục sử dụng.

Sau phần đất vị trí E có phần mộ của ông nội, bà nội, người thân trong gia đình. Ông L1 sống tại thành phố Cần Thơ, sống gần với diện tích đất tranh chấp. Ông L1 là người đầu tiên đi dọn các mộ nên diện tích phần E nên giao cho ông L1 phù hợp với tình hình thực tế. Bà T3, bà V không canh tác nên ông L1 muốn hoán đổi phần đất này, trả giá trị cho Bà T3, bà V để quản lý, sử dụng đất, có điều kiện chăm sóc các mộ.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông L1. Đồng ý thẩm định lại và mua lại phần đất của Bà T3, bà V, xét quá trình sử dụng tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, định giá đất là 02 triệu đồng/m², công sức của ông L1 án sơ thẩm chưa chia thì có thể trả giá trị công sức bằng tiền là 02 triệu đồng/m².

Ông Trần Thanh H đại diện cho ông Nguyễn Đức L1 trình bày: Thống nhất ý kiến của người bảo vệ trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Lời trình bày của người bảo vệ cho ông L1 mâu thuẫn, mâu thuẫn trong đơn phản tố và lời trình bày của bị đơn. Ông L1 trình bày ông M2 chỉ có 1/3 tài sản, còn lại mới chia thừa kế mỗi người là 1/21. Án sơ thẩm chỉ chia cho ông L1 1/7. Về giá trị thì quyền tự quyết của đương sự là cao nhất. Bà T3, bà V có nguyện vọng giao quyền sử dụng đất cho bà C. Việc trình bày trên không có cơ sở, vi phạm quyền tự quyết của đương sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B3 rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu độc lập. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T7 là ông Trần Quốc P rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu độc lập. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T7 gồm có bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Chỉ còn kháng cáo của ông L1. Trên cơ sở kê khai của các đương sự về hàng thừa kế, di sản của ông M2 thì việc ông L1 kháng cáo yêu cầu tính công sức giữ gìn nhưng ông L1 không chứng minh có quá trình canh tác đất. Việc hoán đổi phần đất mộ của các đương sự trong vụ án thì các đương sự đều có quyền nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc mồ mã, các đương sự tự thỏa thuận với nhau. Về yêu cầu xin nhận hiện vật phần đất của Bà T3, bà V thì nguyện vọng của Bà T3, bà V là giao đất cho bà C, đảm bảo đúng nguyện vọng của đương sự nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông L1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T7; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2 và ông Nguyễn Đức L1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bà T7 chết ngày 20/11/2021. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T7 gồm có chồng là ông Trần Quốc P và các con là bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T7 gồm có bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T7 gồm có bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4.

[2.3] Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T7 là ông Trần Quốc P và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn

Lương Đức D2 có ông Trần Thanh H đại diện có yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T7 là ông Trần Quốc P và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2 có ông Trần Thanh H đại diện.

[2.4] Các đương sự thống nhất về quan hệ gia đình, các con của ông M2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T7 cũng như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3, di chúc của ông M2 để lại.

[2.4.1] Thời điểm năm 1997 khi ông M2 ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng với bà Kỳ Hoa. Vụ án này đã được giải quyết bằng hai bản án đã có hiệu lực pháp luật số 05/DSST ngày 17/01/1997 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và Bản án số 40/HNPT ngày 31/5/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ). Theo nội dung bản án phúc thẩm ông M2 thống nhất phân đất tranh chấp 12.972m² là tài sản chung của vợ chồng ông và cùng thỏa thuận thống nhất về phân chia tài sản, theo đó ông M2 được sử dụng phần đất 8.100m², bà Hoa và các con sử dụng phần diện tích 4.872m² theo Giấy CNQSDĐ số 000078 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Nguyễn Đức M2 ngày 20-9-1993.

[2.4.2] Di sản của ông M2 thể hiện trong Di chúc số công chứng 29, quyền số 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2008 tại Phòng Công chứng số 01 thành phố Cần Thơ phần đất có diện tích 8.100m² theo Giấy CNQSDĐ số 000078 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Nguyễn Đức M2 ngày 20-9-1993, chỉnh lý ngày 23-10-1997 (nay thuộc phường Ba Láng, quận C3, thành phố Cần Thơ). Tuy nhiên theo đo đạc hiện trạng thực tế phần đất này chỉ có 7028,5m² do bị ảnh hưởng của quá trình làm lộ Hậu Tân Thạnh Tây. Phía nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo di chúc ông M2 cũng thống nhất với phần diện tích này và yêu cầu chia làm 7 phần ngang nhau theo như ý chí của ông M2. Đây là di chúc đã được công chứng theo quy định pháp luật và thỏa mãn điều kiện quy định của Di chúc hợp pháp theo Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Đối chiếu với Bản trích đo địa chính số 14/TTKTTNMT ngày 13/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật và Tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ và giá trị quyền sử dụng đất áp dụng theo Biên bản định giá ngày 19/9/2019. Cách phân chia của Tòa án sơ thẩm là phù hợp.

[2.4.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L1 yêu cầu xem xét công sức đóng góp nhưng biên bản phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 326) ông Hùng đại diện cho ông L1 cũng trình bày đất trống nên không ai quản lý, bỏ hoang. Giấy CNQSDĐ thì bà C giữ. Phần đất mồ mã không biết của ai, không có thờ

phụng gì trên đất. Ông L1 không chứng minh có quá trình canh tác đất, tôn tạo giữ gìn đất và ông cũng không có yêu cầu này tại Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm không chia công sức cho ông L1 là có căn cứ. Về nghĩa vụ chăm sóc mồ mã thì các con đều có nghĩa vụ. Ông L1 và ông N3 đều là con nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hoán đổi vị trí của ông L1. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông L1 xin nhận phần đất của bà T3, bà V và trả lại giá trị quyền sử dụng đất thì bà T3, bà V có nguyện vọng giao phần đất của hai bà cho bà C và tại phiên tòa bà C cũng không đồng ý giao lại phần đất của bà T3, bà V cho ông L1 nên yêu cầu kháng cáo này cũng không được chấp nhận.

[3] Các nội dung khác của án sơ thẩm giữ nguyên, chỉ sửa phần án phí sơ thẩm đối với ông L1 vì ông L1 là người cao tuổi nên được miễn án phí. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L1 chịu án phí là không đúng.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T7 gồm có bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4; hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T7 là ông Trần Quốc P và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2 có ông Trần Thanh H đại diện và không chấp nhận các lý do kháng cáo của ông L1, sửa án phí sơ thẩm đối với ông L1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông L1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 312 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T7 gồm có bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4.

Căn cứ Điều 311; Điều 217 và điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T7 là ông Trần Quốc P và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 470; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 631, 634, 635, 644, 647, 648, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đức L1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về án phí đối với ông L1, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C.

Xác định phần diện tích đất 8.100m² (đo đạc thực tế 7028,5m²) theo Giấy CNQSDĐ số 000078 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cấp cho ông M2 ngày 20-9-1993, chỉnh lý ngày 23-10-1997 (nay thuộc phường Ba Láng, quận C3, thành phố Cần Thơ) là di sản thừa kế của ông M2.

Công nhận các đương sự ông Nguyễn Đức L1, ông Nguyễn Đức N7 (đã chết năm 2017 có vợ là Lê Thị Mỹ D và hai con là Nguyễn Hoàng D1 và Nguyễn Hoàng N2), bà Nguyễn Thị Thu T3, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Đức N3 và bà Nguyễn Thị Lan C được hưởng thừa kế theo di chúc do ông M2 lập có số công chứng 29, quyền số 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2008 tại Phòng Công chứng số 01 thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Lan C nhận phần đất tại vị trí A có diện tích 1037,2m²
- Ông Nguyễn Đức L1 nhận phần đất tại vị trí B có diện tích 1037,2m²
- Bà Lê Thị Mỹ D, ông Nguyễn Hoàng D1 và ông Nguyễn Hoàng N2 nhận phần đất tại vị trí C có diện tích 1037,2m²
- Bà Nguyễn Thị Thu S nhận phần đất tại vị trí D có diện tích 1037,2m²
- Ông Nguyễn Đức N3 nhận phần đất tại vị trí E có diện tích 959,9m²
- Bà Nguyễn Thị Thu T3 nhận giá trị phần đất tại vị trí F có diện tích 959,9m². Bà Nguyễn Thị Lan C có trách nhiệm nhận phần đất này và trả giá trị kỷ phần thừa kế này cho bà Nguyễn Thị Thu T3.
- Bà Nguyễn Thị Tường V nhận giá trị phần đất tại vị trí G có diện tích 959,9m². Bà Nguyễn Thị Lan C có trách nhiệm nhận phần đất này và trả giá trị kỷ phần thừa kế này cho bà Nguyễn Thị Tường V.

(Vị trí, kích thước được xác định theo Bản trích đo địa chính số 14/TTKTTNMT ngày 13/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật và Tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ – đính kèm bản án).

Bà Nguyễn Thị Lan C; ông Nguyễn Đức L1; bà Lê Thị Mỹ D và hai con là Nguyễn Hoàng D1 và Nguyễn Hoàng N2; bà Nguyễn Thị Thu S phải hoàn lại cho ông Nguyễn Đức N3, Nguyễn Thị Thu T3, Nguyễn Thị Tường V số tiền 265.600.000 đồng.

Ông Nguyễn Đức N3, bà Nguyễn Thị Thu T3, bà Nguyễn Thị Tường V mỗi người được nhận 88.533.333 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lan C, ông Nguyễn Đức N7(đã chết năm 2017 có vợ là Lê Thị Mỹ D và hai con là Nguyễn Hoàng D1 và Nguyễn Hoàng N2), bà Nguyễn Thị Thu T3, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Đức N3 và bà Nguyễn Thị Lan C mỗi người phải chịu án phí là 72.160.000 đồng.

Ông Nguyễn Đức L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 001181 ngày 28/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Lan C còn phải nộp số tiền là 70.960.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T7 (đã chết có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm có chồng là ông Trần Quốc P và các con là bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4), ông Nguyễn Văn B3 (đã chết có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm vợ là bà Trần Thị N6 và các con gồm bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2) được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T7 (đã chết có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm có chồng là ông Trần Quốc P và các con là bà Trần Phi N4, ông Trần Triệu P1 và ông Trần Phi H4) được nhận lại số tiền 8.100.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001156 ngày 31/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B3 là bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Quyết T8, ông Nguyễn Lương Đức H4, ông Nguyễn Lương Đức D2 được nhận lại 8.100.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001155 ngày 31/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: tổng cộng là 9.400.000 đồng, ông Nguyễn Đức L1, ông Nguyễn Đức N7(đã chết năm 2017 có vợ là Lê Thị Mỹ D và hai con là Nguyễn Hoàng D1 và Nguyễn Hoàng N2), bà Nguyễn Thị Thu T3, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Đức N3 và bà Nguyễn Thị Lan C mỗi người phải chịu 1/7 trên số tiền 9.400.000 đồng. Do

nguyên đơn đã nộp tạm ứng 9.400.000 đồng, nên các ông Nguyễn Đức L1, ông Nguyễn Đức N7 (đã chết năm 2017 có vợ là Lê Thị Mỹ D và hai con là Nguyễn Hoàng D1 và Nguyễn Hoàng N2), bà Nguyễn Thị Thu T3, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Đức N3 mỗi người phải hoàn lại cho bà Lan C là 1.342.857 đồng tại Cơ quan thi hành án.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức L1 được miễn án phí. Hoàn tạm nộp án phí số tiền 300.000 đồng cho ông L1 theo biên lai thu số 000315 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương